



第 I 課

ぶんぽう

文法まとめ

1. S は N です。
2. S は N じゃありません。
3. S は N ですか。
4. S も N です。
5. S は A の B です。

かわいひょうげん 会話表現



1. おはようございます。
2. はじめまして。
3. どうぞ よろしく。

I

かわい 会話

はじめまして

さとう
砂糖

： おはようございます。

やまだ
山田

： おはようございます。

さとう

砂糖さん、こちらは マイク・ミラーさんです。

ミラー

： はじめまして 。マイク・ミラーです。

アメリカからきました。どうぞ よろしく。

さとう
砂糖： さとう けい子^こです。どうぞ よろしく。

.....

かいわ



え れんしゅう
絵で練習



ひろ
広がる

- ❖ Khi giới thiệu hãy nói đầy đủ cả họ và tên, cố gắng nói chậm, rõ từng âm để người nghe có thể nghe thấy được tên của mình, đặc biệt là tên của những người nước ngoài với nhau.

Người Nhật thường dùng họ để xưng hô với nhau, trừ mối quan hệ đã trở nên thân thiết mới gọi nhau bằng tên.



マイク・ミラー



さとう 佐藤
けい子 けい子

かいわ

❖ Trong giao tiếp,

A : おはよう ございます。

B : おはよう ございます。

Trường hợp có nhiều hơn 2 người

A : おはよう ございます。

B, C, ...: おはよう ございます。

❖ Khi giới thiệu ai đó với người khác, ta sử dụng

「こちらは OO さんです。」.

Kèm động tác tay hướng về phía người đó, lưu ý không chỉ tay 1 ngón.



めいしこうかん

名刺交換 — TRAO ĐỔI DANH THIẾP

- Người Nhật có thói quen trao đổi danh thiếp trong lần gặp mặt đầu tiên.

Đặc biệt là trong lĩnh vực business.

